|  |  |
| --- | --- |
|  **ỦY BAN NHÂN DÂN** **TỈNH VĨNH LONG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số:2443/QĐ-UBND  |  *Vĩnh Long, ngày 08 tháng 11 năm 2018*  |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết**

**của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Vĩnh Long**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương, ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP, ngày 08/06/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP, ngày 14/5/2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP, ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP, ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 27/2017/TT-BNNPTNT, ngày 25/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn kiểm tra chất lượng, an toàn thực phẩm muối nhập khẩu;

Căn cứ Thông tư số 09/2018/TT-BNNPTNT, ngày 13/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành, liên tịch ban hành.

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 149/TTr-SNN&PTNT, ngày 01/11/2018,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1**. Công bố kèm theo Quyết định này 01 (Một) thủ tục hành chính được thay thế trong Lĩnh vực Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Vĩnh Long đã được công bố tại Quyết định số 331/QĐ-UBND, ngày 22/02/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn và lĩnh vực bảo vệ thực vật thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Vĩnh Long.

***(có phụ lục chi tiết kèm theo)***

**Điều 2.** Bãi bỏ 04 (Bốn) thủ tục hành chính, cụ thể như sau:

- 01 thủ tục hành chính Lĩnh vực Nông nghiệp và phát triển nông thôn đã được công bố tại Quyết định số 331/QĐ-UBND, ngày 22/02/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn và lĩnh vực bảo vệ thực vật thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Vĩnh Long;

- 03 thủ tục hành chính Lĩnh vực chung đã được công bố tại Quyết định số 740/QĐ-UBND, ngày 06/5/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Vĩnh Long.

***(có phụ lục chi tiết kèm theo)***

**Điều 3.** Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Niêm yết, công khai đầy đủ danh mục và nội dung thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết tại trụ sở, trang thông tin điện tử của đơn vị.

- Căn cứ cách thức thực hiện thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định này bổ sung vào Danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính; Danh mục thủ tục hành chính không thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố.

- Tổ chức thực hiện đúng nội dung thủ tục hành chính được công bố kèm theo Quyết định này.

**Điều 4**. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như Điều 4;- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP;- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;- CT, các PCT UBND tỉnh;- LĐVP UBND tỉnh;- Phòng KSTTHC;- Lưu: 1.20.05. | **KT. CHỦ TỊCH****PHÓ CHỦ TỊCH****Đã ký:****Lê Quang Trung** |

**PHỤ LỤC**

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT**

**CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT TỈNH VĨNH LONG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2443 /QĐ-UBND, ngày 08 /11/2018*

*của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long)*

**PHẦN I**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**1. Danh mục thủ tục hành chính được thay thế thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Số hồ sơ TTHC** | **Tên thủ tục hành chính được thay thế** | **Tên thủ tục hành chính****thay thế** | **Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế.** |
| **LĨNH VỰC QLCL NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN** |
| 1 |  | Kiểm tra chất lượng, muối nhập khẩu | Kiểm tra chất lượng, an toàn thực phẩm muối nhập khẩu | Thông tư số 27/2017/TT-BNNPTNT, ngày 25/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn kiểm tra chất lượng, an toàn thực phẩm muối nhập khẩu |

**2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Số hồ sơ TTHC**  | **Tên TTHC** | **Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính** |
| **I** | **Lĩnh vực Nông nghiệp và PTNT** |
| 1 |  | Kiểm tra chất lượng, muối nhập khẩu | Thông tư số 27/2017/TT-BNNPTNT, ngày 25/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn kiểm tra chất lượng, an toàn thực phẩm muối nhập khẩu |
| **II** | **Lĩnh vực chung** |
| 1 | T-VLG-283592-TT | Đăng ký huyện đạt chuẩn nông thôn mới | Thông tư số 09/2018/TT-BNNPTNT, ngày 13/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành, liên tịch ban hành |
| 2 | T-VLG-283593-TT | Công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới |
| 3 | T-VLG-283595-TT | Công nhận lại xã đạt chuẩn nông thôn mới |

**PHẦN II**

**NỘI DUNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH VĨNH LONG**

**LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN**

**1. Kiểm tra chất lượng, an toàn thực phẩm muối nhập khẩu**

**- Trình tự thực hiện:**

**Bước 1:** Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định pháp luật.

**Bước 2:**Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (số 1B, Nguyễn Trung Trực, Phường 8, Tp. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long).

\* Đối với trường hợp nộp trực tiếp, công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tại chỗ tính đầy đủ của hồ sơ theo quy định:

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, công chức ra phiếu nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả giao cho người nộp.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, công chức tiếp nhận hồ sơ viết phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ gửi cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (đảm bảo tổ chức, cá nhân chỉ phải bổ sung hồ sơ một lần).

\* Đối với trường hợp gửi qua đường bưu điện, công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ theo quy định:

+ Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 01 ngày làm việc, bộ phận tiếp nhận sẽ thông báo ngày trả kết quả bằng điện thoại hoặc viết giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả gửi qua đường bưu điện cho người nộp biết.

+ Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn 01 ngày làm việc, bộ phận tiếp nhận sẽ viết phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ gửi qua đường bưu điện cho người nộp biết để hoàn chỉnh hồ sơ (đảm bảo tổ chức, cá nhân chỉ phải bổ sung hồ sơ một lần).

Ngay sau khi nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định, công chức tiếp nhận hồ sơ chuyển hồ sơ cho Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản.

**Bước 3:** Tổ chức, cá nhân nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo địa chỉ đã gửi hồ sơ ban đầu hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích:

\* Đối với trường hợp nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

+ Khi đến nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính, người nhận phải trả lại giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (nếu gửi hồ sơ qua đường bưu điện thì xuất trình giấy chứng minh nhân dân) và ký vào sổ theo dõi hồ sơ;

+ Công chức trả kết quả kiểm tra lại kết quả trước khi trao cho người nhận;

 + Người nhận kết quả kiểm tra lại kết quả, nếu phát hiện có sai sót hoặc không đúng thì yêu cầu điều chỉnh lại cho đúng.

\* Đối với trường hợp nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích:

 + Khi đến nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính, nhân viên bưu chính phải xuất trình giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả và ký vào sổ theo dõi hồ sơ;

+ Công chức trả kết quả kiểm tra lại kết quả trước khi trao cho người nhận.

 + Người nhận kết quả kiểm tra lại kết quả, nếu phát hiện có sai sót hoặc không đúng thì yêu cầu điều chỉnh lại cho đúng.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Buổi sáng từ 7 giờ đến 11 giờ, buổi chiều từ 13 giờ đến 17 giờ từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (trừ các ngày nghỉ theo quy định).

**- Cách thức thực hiện:**Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

**- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

**a) Thành phần hồ sơ, gồm:**

- Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng, an toàn thực phẩm muối nhập khẩu theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 27/2017/TT-BNNPTNT, ngày 25/12/2017;

- Bản sao chụp các giấy tờ sau:

+ Hợp đồng mua bán hàng hóa (là bản tiếng Việt hoặc bản tiếng Anh, nếu là ngôn ngữ khác thì người nhập khẩu phải nộp kèm bản dịch ra tiếng Việt và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung bản dịch);

+ Hóa đơn;

+ Danh mục hàng hóa;

+ Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa;

+ Vận đơn;

+ Tờ khai hàng hóa nhập khẩu;

+ Giấy phép nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan (nếu có);

+ 03 (ba) bản Thông báo kết quả kiểm tra chất lượng, an toàn thực phẩm muối nhập khẩu được cơ quan kiểm tra đánh giá đạt yêu cầu chất lượng, an toàn thực phẩm sau 03 lần kiểm tra liên tiếp tại các ngày khác nhau đối với lô hàng muối nhập khẩu cùng loại, cùng xuất xứ, cùng nhà sản xuất, cùng người nhập khẩu theo phương thức kiểm tra chặt hoặc Giấy chứng nhận hợp quy chất lượng muối nhập khẩu theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Thông tư số 27/2017/TT-BNNPTNT, ngày 25/12/2017 (áp dụng đối với phương thức kiểm tra giảm).

- Bản sao chụp có xác nhận sao y bằng dấu của người nhập khẩu: Giấy chứng nhận lưu hành tự do (viết tắt là CFS) đối với muối ăn do cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp theo quy định tại Thông tư 63/2010/TT-BNNPTNT ngày 01 tháng 11 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn việc quy định Giấy chứng nhận lưu hành tự do đối với sản phẩm, hàng hóa xuất khẩu và nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Bản chính các giấy tờ sau:

+ Biên bản lấy mẫu theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 27/2017/TT-BNNPTNT, ngày 25/12/2017 và mẫu muối nhập khẩu theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 6 Thông tư số 27/2017/TT-BNNPTNT, ngày 25/12/2017 (áp dụng đối với phương thức kiểm tra chặt);

+ Kết quả thử nghiệm mẫu muối nhập khẩu do phòng thử nghiệm đạt tiêu chuẩn VILAS lĩnh vực hóa cấp theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 27/2017/TT-BNNPTNT, ngày 25/12/2017 (áp dụng đối với phương thức kiểm tra chặt).

**b) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

*-* **Thời hạn giải quyết:**

01 (Một) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

**- Đối tượng thực hiện TTHC:**Tổ chức, cá nhân.

***-* Cơ quan thực hiệnTTHC:** Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản tỉnh Vĩnh Long.

**- Kết quả thực hiện TTHC:**Thông báo kết quả kiểm tra chất lượng, an toàn thực phẩm muối nhập khẩu.

**- Phí, lệ phí:** Không.

**- Tên mẫu đơn, tên tờ khai:**

Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng, an toàn thực phẩm muối nhập khẩu theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 27/2017/TT-BNNPTNT, ngày 25/12/2017.

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không.

**- Căn cứ pháp lý của TTHC:**

Thông tư số 27/2017/TT-BNNPTNT, ngày 25/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn kiểm tra chất lượng, an toàn thực phẩm muối nhập khẩu.

MẪU GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG, AN TOÀN THỰC PHẨM MUỐI NHẬP KHẨU
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2017/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

|  |  |
| --- | --- |
| Tên cơ quan chủ quản**Tên tổ chức nhập khẩu-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Số:          /…… | *…….., ngày      tháng       năm 20…* |

**GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM TRA
CHẤT LƯỢNG, AN TOÀN THỰC PHẨM MUỐI NHẬP KHẨU**

Kính gửi: Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản

Người nhập khẩu:..........................................................................................

Địa chỉ:...................................................................................................................

Điện thoại: ……………… Fax: ……………… Email:.......................................

Địa chỉ bảo quản lô hàng *(theo quy định của Cơ quan Hải quan)*:.................

.................................................................................................................................................................................................................................................................

Đề nghị Cơ quan kiểm tra về chất lượng, an toàn thực phẩm lô hàng muối nhập khẩu sau:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Tên hàng hóa, mã HS | Đặc tính kỹ thuật và Mục đích sử dụng | Xuất xứ, Nhà sản xuất | Khối lượng/ Số lượng | Cửa khẩu nhập | Thời gian nhập khẩu |
|   |   |   |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   |   |   |

|  |  |
| --- | --- |
| Hồ sơ kèm theo gồm: | Cơ quan kiểm tra xác nhận |
| 1 | □ Hợp đồng *(Contract)* số: ……… ngày ………. | □ |
| 2 | □ Danh mục hàng hóa *(Packing list)* số: ……… ngày ………. | □ |
| 3 | □ Hóa đơn *(Invoice)* số: ……….. ngày ………… | □ |
| 4 | □ Vận đơn *(Bill of Loading)* số: ……….. ngày …….. | □ |
| 5 | □ Tờ khai hàng hóa nhập khẩu số: …….. ngày …… | □ |
| 6 | □ Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) số: … ngày ……… | □ |
| 7 | □ Giấy phép nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan *(nếu có)* số: … ngày … | □ |
| 8 | □ 03 (ba) bản Thông báo kết quả kiểm tra số: ….….….ngày….….….; hoặc Giấy chứng nhận hợp quy chất lượng muối nhập khẩu số: ….….ngày….….  | □ |
| 9 | □ Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với muối ăn số:.... ngày….…. | □ |
| 10 | Mẫu muối có dán số hiệu niêm phong của Hải quan số: ….….….….và biên bản lấy mẫu có xác nhận của Hải quan số ….….…. ngày ….….….….…. | □ |
| 11 | Kết quả thử nghiệm mẫu muối nhập khẩu số: .….… ngày.….… tại:.….… | □ |

Chúng tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm về chất lượng, an toàn thực phẩm lô hàng muối nhập khẩu phù hợp với yêu cầu kỹ thuật chất lượng, an toàn thực phẩm muối nhập khẩu đối với mã HS .….….….….….… quy định tại phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số: 27/2017/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn./.

|  |  |
| --- | --- |
|   | **NGƯỜI NHẬP KHẨU***(ký tên, đóng dấu)* |

Ghi chú: *- Điểm 8 chỉ áp dụng đối với phương thức kiểm tra giảm.*

*- Điểm 10 và 11 chỉ áp dụng đối với phương thức kiểm tra chặt.*

**CƠ QUAN KIỂM TRA XÁC NHẬN TIẾP NHẬN HỒ SƠ ĐĂNG KÝ**

1. Hồ sơ đầy đủ về số lượng: □ tiếp nhận hồ sơ để kiểm tra các bước tiếp theo.

2. Hồ sơ không đầy đủ về số lượng: □ tiếp nhận hồ sơ nhưng cần bổ sung các mục số:

………………………..trong thời gian 10 ngày làm việc. Sau khi hồ sơ đầy đủ thì kiểm tra các bước tiếp theo theo quy định.

Vào sổ số: …………/……………… ngày…… tháng…… năm 20……

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Người nhập khẩu:- Lưu: VT,… | **Người kiểm tra***(ký, ghi rõ họ tên)* | **THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN***(ký tên, đóng dấu)* |